

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

Tên tiếng Anh: Vietnamese studies

Tên chuyên ngành: *Văn hóa du lịch* (Culture and Tourism)

Mã ngành: 7310630

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

Số: 178/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 2/ tháng 8 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, cập nhật)  
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 về việc thành lập Trường ĐHSP Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 3421/QĐ-ĐHQN ngày 10/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, cập nhật) trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ 43 ngành trong danh sách kèm theo.

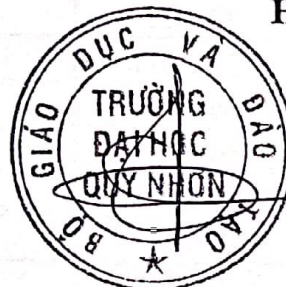
**Điều 2.** Các chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật có tên trong Điều 1 được thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2020.

**Điều 3.** Các Trường khoa, Trường đơn vị liên quan và toàn thể giảng viên, sinh viên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ





**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783 /QĐ-ĐHQN ngày 18/10/2020)

STT	Tên ngành đào tạo	Mã số ngành đào tạo	Tổng số tín chỉ toàn khoá (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP – AN).
1	Sư phạm Toán học	7140209	138
2	Sư phạm Vật lý	7140211	138
3	Sư phạm Hóa học	7140212	138
4	Sư phạm Sinh học	7140213	138
5	Sư phạm Tin học	7140210	138
6	Sư phạm Ngữ văn	7140217	138
7	Sư phạm Lịch sử	7140218	138
8	Sư phạm Địa lý	7140219	138
9	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	138
10	Giáo dục Chính trị	7140205	138
11	Giáo dục Tiểu học	7140202	138
12	Giáo dục Thể chất	7140206	138
13	Giáo dục mầm non	7140201	138
14	Toán ứng dụng	7460112	135
15	Thông kê	7460201	135
16	Công nghệ thông tin	7480201	135
17	Hóa học	7440112	135
18	Quản lý đất đai	7850103	135
19	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	135
20	Sinh học ứng dụng	7420203	135
21	Quản lý giáo dục	7140114	135
22	Văn học	7229030	135
23	Quản lý nhà nước	7310205	135
24	Tâm lý học giáo dục	7310403	135
25	Công tác xã hội	7760101	135
26	Đông phương học	7310608	135
27	Việt Nam học	7310630	135
28	Luật	7380101	135
29	Ngôn ngữ Anh	7220201	135
30	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	135
31	Kinh tế	7310101	135
32	Kế toán	7340301	135
33	Kiểm toán	7340302	135
34	Quản trị kinh doanh	7340101	135
35	Tài chính - Ngân hàng	7340201	135

36	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	7810103	135
37	Quản trị khách sạn	7810201	135
38	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	7510401	150
39	Nông học	7620109	150
40	Kỹ thuật điện	7520201	150
41	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7520207	150
42	Kỹ thuật xây dựng	7580201	150
43	Kỹ thuật phần mềm	7480103	150

Danh sách có 43 ngành. / *ly*



## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: **Việt Nam học**

Mã ngành: 7310630

Tên tiếng Anh: Vietnamese studies

Tên chuyên ngành: *Văn hóa du lịch (Culture and Tourism)*

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### **1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hoá du lịch) hướng đến việc đáp ứng những mục tiêu, chiến lược giáo dục trong tình hình mới; phù hợp với những yêu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành văn hoá theo định hướng du lịch có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu hiện nay của xã hội.

#### **1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)
2. Mã ngành đào tạo	7310630
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135 tín chỉ (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP-AN)

7. Khoa quản lý	Khoa KHXH & NV
8. Hình thức đào tạo	Chính quy tập trung
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Toàn quốc
11. Thang điểm đánh giá	Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần
12. Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp: Đảm bảo các quy định về chuyên môn, môn điều kiện, chuẩn ngoại ngữ, tin học
13. Vị trí việc làm	<p><i>Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch) có thể đảm trách các vị trí sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn viên, điều hành viên du lịch trong và ngoài nước;</li> <li>- Phóng viên và truyền thông về du lịch;</li> <li>- Làm công tác quản lý du lịch Việt Nam;</li> <li>- Chuyên viên văn hoá trong các cơ quan văn hóa, du lịch.</li> <li>- Chuyên viên văn hoá trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các văn phòng thương mại, các cơ quan đại diện, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước hoặc nước ngoài.</li> <li>- Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp,</li> </ul>



## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: **Việt Nam học**

Mã ngành: 7310630

Tên tiếng Anh: Vietnamese studies

Tên chuyên ngành: *Văn hóa du lịch (Culture and Tourism)*

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### **1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hoá du lịch) hướng đến việc đáp ứng những mục tiêu, chiến lược giáo dục trong tình hình mới; phù hợp với những yêu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành văn hoá theo định hướng du lịch có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu hiện nay của xã hội.

#### **1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)
2. Mã ngành đào tạo	7310630
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135 tín chỉ (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP-AN)

7. Khoa quản lý	Khoa KHXH & NV
8. Hình thức đào tạo	Chính quy tập trung
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Toàn quốc
11. Thang điểm đánh giá	Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần
12. Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp: Đảm bảo các quy định về chuyên môn, môn điều kiện, chuẩn ngoại ngữ, tin học
13. Vị trí việc làm	<p><i>Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch) có thể đảm trách các vị trí sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn viên, điều hành viên du lịch trong và ngoài nước;</li> <li>- Phóng viên và truyền thông về du lịch;</li> <li>- Làm công tác quản lý du lịch Việt Nam;</li> <li>- Chuyên viên văn hoá trong các cơ quan văn hóa, du lịch.</li> <li>- Chuyên viên văn hoá trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các văn phòng thương mại, các cơ quan đại diện, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước hoặc nước ngoài.</li> <li>- Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp,</li> </ul>



	người học còn có thể làm công tác giảng dạy tiếng Việt tại các khoa Việt Nam học thuộc các Trường Đại học trong và ngoài nước; có thể tham gia công tác chuyên môn tại các viện, các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan văn hóa, các cơ quan đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến kiến thức văn hoá và du lịch.
14. Học tập nâng cao trình độ	Có đủ khả năng để tiếp tục học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Việt Nam học
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học của Trường Đại học KHXH& NV, ĐHQG Hà Nội; Chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học của Đại học KHXH& NV, ĐHQG Tp.HCM; Chương trình đào tạo ngành Văn hóa du lịch của Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Bản mô tả được định kỳ rà soát và cập nhật 2 năm/lần

### 1.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD – Đại học Đà Nẵng.

#### 1.3.1. Sứ mệnh, Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

*Sứ mệnh:* “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên

cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

*Tầm nhìn:* “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế”.

*Giá trị cốt lõi:* “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

### 1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

*Triết lý giáo dục:* “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)

Chương trình đào tạo ngành Văn học (chuyên ngành Báo chí)			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x
	Các học phần thực tập, thực tế		x		x
Khóa luận tốt nghiệp		x	x	x	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng sáng tạo		x	x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		
	Hiên máu nhân đạo		x		
	Hoạt động vì người nghèo		x		



Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh, thể dục thể thao trong hoạt động văn hóa, du lịch.	x		x
	PLO2	Hiểu và vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn học và văn hóa lịch sử, du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp.	x	x	x
	PLO3	Vận dụng, phân tích, đánh giá được kiến thức cơ sở ngành về văn hóa và du lịch.		x	x
	PLO4	Vận dụng một cách linh hoạt kiến thức văn hóa, du lịch trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và hoạt động chuyên môn ở cương vị công tác do cá nhân phụ trách.	x	x	x
	PLO5	Hình thành được những kỹ năng cần thiết trong các hoạt động quốc phòng – an ninh, thể dục thể thao	x		x
	PLO6	Thực hiện được các hoạt động truyền thông về văn hóa, du lịch theo yêu cầu công việc, vị trí việc làm.		x	x
	PLO7	Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp	x	x	x
	PLO8	Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.	x	x	x
	PLO9	Có kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn hóa, du lịch.		x	x
	PLO10	Có kỹ năng thiết kế, giới thiệu, quảng bá về văn hoá du lịch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm về du lịch cụ thể.		x	x
	PLO11	Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất của hướng dẫn viên, điều hành viên du lịch và chuyên viên quản lý các hoạt động văn hoá du lịch.	x		x

	PLO12	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm	x	x	x
	PLO13	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	x	x	x
	PLO14	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động nghề nghiệp	x	x	x

#### 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

##### 1.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học (Văn hoá du lịch) hướng đến việc đáp ứng những mục tiêu, chiến lược giáo dục trong tình hình mới; phù hợp với những yêu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành văn hoá theo định hướng du lịch có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của xã hội.

##### 1.4.2. Mục tiêu cụ thể

###### \* Về kiến thức

+ PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng- an ninh và thể dục thể thao...

+ PO2: Trang bị kiến thức mang tính hệ thống và sâu rộng về văn hoá, lịch sử, văn học và ngôn ngữ Việt Nam, cũng như những tri thức về khoa học du lịch, cơ cấu, tổ chức hoạt động du lịch tại Việt Nam.

###### \* Về kỹ năng

+ PO3: Hình thành kỹ năng văn hoá, ngôn ngữ, văn học, lịch sử và tổ chức, hướng dẫn du lịch

+ PO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp, giới thiệu, quảng bá và truyền thông về các lĩnh vực du lịch, hướng dẫn du lịch; kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

+ PO5: Hình thành kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp.

###### \* Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6: Rèn luyện phẩm chất của người hoạt động trong các vực liên quan đến văn hóa, du lịch



+ PO7: Rèn luyện khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, học tập ở trình độ cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; trau dồi năng lực lập kế hoạch, thích ứng, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; rèn khả năng làm việc nhóm, trách nhiệm với nhóm và phát huy trí tuệ tập thể.

### 1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

#### 1.5.1. Về kiến thức

##### \* Kiến thức chung

- PLO1: Hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh, thể dục thể thao trong hoạt động văn hóa, du lịch.

- PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn học và văn hóa, lịch sử, du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp.

##### \* Kiến thức chuyên môn

- PLO3: Vận dụng, phân tích, đánh giá được kiến thức cơ sở ngành về văn hóa và du lịch.

- PLO4: Vận dụng một cách linh hoạt kiến thức văn hóa, du lịch trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và hoạt động chuyên môn ở cương vị công tác do cá nhân phụ trách.

#### 1.5.2. Về kỹ năng

##### \* Kỹ năng chung

- PLO5: Hình thành được các kỹ năng cần thiết trong các hoạt động quốc phòng an ninh, thể dục thể thao

- PLO6: Thực hiện được các hoạt động truyền thông về văn hóa, du lịch theo yêu cầu công việc, vị trí việc làm.

- PLO7: Đạt chuẩn đầu ra tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp

- PLO8: Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

##### \* Kỹ năng chuyên môn

- PLO9: Có kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn hóa, du lịch.

- PLO10: Có kỹ năng thiết kế, giới thiệu, quảng bá về văn hoá du lịch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm về du lịch cụ thể.

### 1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về phẩm chất của hướng dẫn viên, điều hành viên du lịch và chuyên viên quản lý các hoạt động văn hoá du lịch.

- PLO12: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm

- PLO13: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

- PLO14: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động nghề nghiệp

### Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x												
PO2	x	x	x	x										
PO3	x				x									
PO4						x			x	x			x	
PO5							x	x						
PO6										x	x	x	x	x
PO7												x	x	x

### 1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

#### 1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

##### - Chuẩn bị của giảng viên:

Giảng viên chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ cho việc giảng dạy, các tài liệu tham khảo, đề tài, vấn đề nghiên cứu cần thảo luận, tương tác; chuẩn bị các phương tiện, phương pháp giảng dạy phù hợp, hiệu quả...

##### - Các phương pháp giảng dạy - học tập

Sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp giảng dạy – học tập: Dạy trực tiếp, gián tiếp, trải nghiệm, tương tác, tự học phù hợp với đối tượng và chương trình đào tạo, nội dung bài giảng.



**Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I. Dạy trực tiếp</b>														
1. Thuyết giảng	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Tham luận	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
<b>II. Dạy gián tiếp</b>														
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
5. Học theo tình huống	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
<b>III. Học trải nghiệm</b>														
6. Thực tập, thực tế	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
<b>IV. Dạy học tương tác</b>														
7. Thảo luận	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
8. Học nhóm	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x
<b>V. Tự học</b>														
9. Bài tập ở nhà	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x

**- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học:**

Mở rộng các hoạt động thực hành, thực tập ở các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh để nâng cao, tăng cường chất lượng dạy và học chuyên ngành.

**1.6.2. Phương pháp đánh giá**

**\* Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

**a) Học phần lý thuyết**

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Chuyên cần	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	10%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.</i>	

2	Quá trình	Tùy theo đặc thù của học phần mà giảng viên có thể cho sinh viên thực hiện 1 hoặc kết hợp các hoạt động sau đây: - Làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra sẽ được giảng viên nêu cụ thể. - Làm các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn, hoặc bài thực hành nếu học phần có cả lý thuyết và thực hành theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn, ... sẽ được giảng viên nêu cụ thể	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết/vấn đáp/...; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	70%

b) Học phần thực tế

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực tế. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực tế.

c) Học phần khóa luận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn.

\* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Việt Nam học (chuyên ngành Văn hoá du lịch) được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng.

**Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>														
1. Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x			x	x			x	x	x	x
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x		x			x	x	x	x	x	x



II. Đánh giá tổng kết															
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Kiểm tra trắc nghiệm															
6. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x
7. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x
8. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x

## 2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36</b>	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – AN	12	
1.3.	Ngoại ngữ	07	
1.4.	Khoa học xã hội	4	
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>111</b>	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	28	<b>2</b>
2.2.	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40	<b>4</b>
2.3	Kiến thức bổ trợ	31	
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	
	<b>Tổng:</b>	<b>141</b>	<b>6</b>
		<b>147</b>	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 17 học phần (36 tín chỉ), giúp SV có những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ và khoa học xã hội đại cương; hình thành các kỹ năng, năng lực vận dụng, giải quyết các vấn đề chung

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 50 học phần (111 tín chỉ), giúp SV có những kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ và nghiệp vụ văn hóa – du lịch; hình thành các kỹ năng vận dụng và giải quyết các vấn đề chuyên môn sâu rộng.

**2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ %	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>36</b>	<b>24,48</b>	x	x	-	x	x	x	-	x	x	-	x	x	x	
1.1. Khoa học chính trị và pháp luật	13	36,1	x	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	x	x	
1.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – AN	12	33,3	x	-	-	-	x	-	-	-	-	-	x	-	-	
1.3. Ngoại ngữ	07	19,4	x	x	-	-	-	x	-	x	-	-	-	-	-	
1.4. Khoa học xã hội	04	11,2	x	x	-	x	-	x	-	-	x	-	x	x	x	
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>111</b>	<b>75,51</b>	x	x	x	x	x	x	x	-	x	x	x	x	x	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	26,1	x	x	x	x	-	x	x	-	x	x	x	x	x	
2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành	44	39,6	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	
2.3. Kiến thức bổ trợ	32	28,8	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	5,5	x	x	x	x	-	x	-	-	x	x	x	x	x	

**2.3. Danh sách các học phần**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>					<b>24</b>								
<b>I.1. Khoa học chính trị và pháp luật</b>					<b>13</b>								
1	1130299	Triết học Mác - Lênin	1	3	40		10		85				
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	27		6		57	1130299		LLCT -Luật và QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6		57	1130300		LLCT -Luật và QLNN	
4	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6		57	1130302		LLCT -Luật và QLNN	
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	4	2	27		6		57	1130091		LLCT -Luật và QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	27		6		57			LLCT -Luật và QLNN	
<b>I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN</b>													
<i>Học phần Giáo dục thể chất, sinh viên chọn 1 trong 7 nhóm sau:</i>													
7	1120172	Giáo dục thể chất 1	1	1	4			26	21			GĐTC-QP	



		(Bóng đá 1) (*)										
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC-QP
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC-QP
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC-QP
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC-QP
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Câu lông 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Câu lông 2) (*)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 3) (*)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC-QP
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC-QP
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)	1	1	4			26		21		GDTC-QP
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1(*)	2	3	37			8		82		GDTC-QP
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2(*)	2	2	22			8		52		GDTC-QP
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3(*)	2	2	14			16		44		GDTC-QP
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4(*)	2	2	4			56		64		GDTC-QP
<b>I.3. Ngoại ngữ</b>												
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90	1090061	Ngoại ngữ
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	Ngoại ngữ
<b>I.4. Khoa học xã hội</b>												
34	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TC-NH &QTKD
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH&NV



<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>111</b>									
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành</b>				<b>30</b>									
<b>II.1.a. Phần bắt buộc</b>				<b>28</b>									
36	1050241	Tin học cơ sở (Xã hội)	1	3	30			30		75			CNTT
37	1060019	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1	3	40		10			85			KHXHNV
38	1060215	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	1	3	40		10			85			KHXHNV
39	1060036	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	25		10			55			KHXHNV
40	2030052	Hán Nôm cơ sở	2	3	40		10			85			KHXHNV
41	1060021	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	3	40		10			85			KHXHNV
42	1060039	Mỹ học đại cương	4	2	25		10			55			KHXHNV
43	2030053	Kỹ thuật soạn thảo văn bản Tiếng Việt	3	2	25		10			55			KHXHNV
44	2030054	Nhân học đại cương	3	2	25		10			55			KHXHNV
45	1060221	Phương pháp nghiên cứu văn hoá - du lịch	3	2	25		10			55			
46	2030055	Khu vực học và nhập môn Việt Nam học	3	3	40		10			85	1060019		KHXHNV
<b>II.1.b. Phần tự chọn</b> <i>Chọn 02/04 TC</i>				<b>2</b>									
47	2030056	Đại cương văn hoá phương Đông	3	2	25		10			55			KHXHNV
48	1060045	Tiếng Việt thực hành	3	2	25	10				55			KHXHNV
<b>II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành</b>				<b>44</b>									
<b>II.2.1. Kiến thức ngành</b>				<b>30</b>									
<b>II.2.1a. Phần bắt buộc</b>				<b>28</b>									
49	1060087	Văn học dân gian Việt Nam	1	3	40		10			85			KHXHNV
50	1060098	Văn học trung đại Việt Nam	3	3	40		10			85	1060087		KHXHNV
51	1060244	Văn học hiện đại Việt Nam	5	3	40		10			85	1060098		KHXHNV
52	1060049	Ngữ pháp tiếng Việt	4	3	35	15				85			KHXHNV
53	1060218	Ngữ dụng học	5	2	25		10			55			KHXHNV
54	1060216	Địa danh văn hoá, lịch sử và du lịch Việt Nam	5	2	25		10			55			KHXHNV
55	1060058	Phong tục - tập quán - lễ hội Việt Nam	4	2	25		10			55			KHXHNV
56	2030057	Tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hoá Việt Nam	4	2	25		10			55			KHXHNV
57	2030169	Lịch sử cổ trung đại Việt Nam	4	2	25		10			55			KHXHNV
58	2030171	Lịch sử cận hiện đại Việt Nam	5	2	25		10			55	2030169		KHXHNV
59	2030170	Lịch sử báo chí Việt Nam	4	2	25		10			55			KHXHNV
60	1060227	Ngôn ngữ và văn hoá	4	2	25		10			55			KHXHNV
<b>II.2.1b. Phần tự chọn</b> <i>Chọn 02/04 TC</i>				<b>02</b>									
61	2030058	Quy hoạch và phát triển du lịch	4	2	25		10			55			KHXHNV
62	2030059	Du lịch nông nghiệp và nông thôn	4	2	25		10			55			KHXHNV
<b>II.2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>14</b>									
<b>II.2.2a. Phần bắt buộc</b>				<b>12</b>									
63	1060052	Nhập môn khoa học du lịch	5	2	25		10			55			KHXHNV
64	1080269	Địa lý du lịch Việt Nam	7	2	25		10			55			KHTN
65	1060023	Di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam	6	2	25		10			55			KHXHNV
66	2030060	Văn hoá Chăm	5	2	25		10			55			KHXHNV

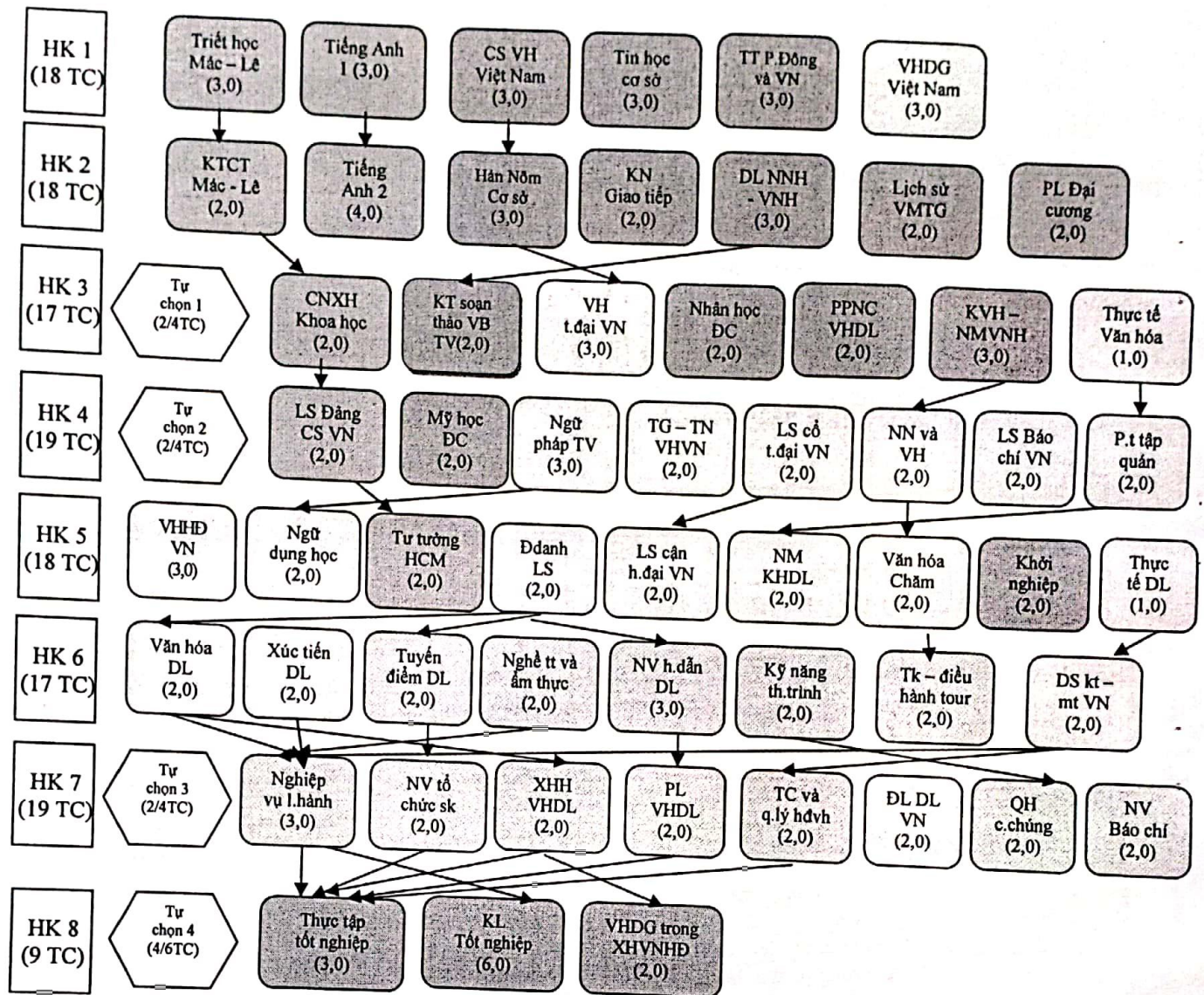


67	1060222	Văn hoá du lịch	6	2	25		10			55		KHXHNV
68	1060104	Xúc tiến và quảng bá du lịch	6	2	25		10			55		KHXHNV
<b>II.2.2b. Phần tự chọn</b>			<b>Chọn 2/4 TC</b>			2						
69	1100105	Tâm lý học du lịch	7	2	25		10			55		KHXHNV
70	1080101	Bản đồ du lịch	7	2	25		10			55		KHXHNV
<b>II.3. Kiến thức bổ trợ</b>						31						
<b>II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp</b>						26						
71	2030063	Quan hệ công chúng	7	2	25		10			55		KHXHNV
72	2030172	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	6	2	25		10			55		KHXHNV
73	1060223	Nghề truyền thống và ẩm thực Việt Nam	6	2	25		10			55		KHXHNV
74	1060225	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	6	2	20	5	10			55		KHXHNV
75	2030061	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	6	3	36	2	10	4		85		KHXHNV
76	2030064	Nghiệp vụ lễ hành khách sạn	7	3	36	2	10	4		85		TG
77	2030062	Kỹ năng thuyết trình và tổ chức hoạt náo trong du lịch	6	2	20			20		60		KHXHNV
78	2030065	Nghiệp vụ báo chí	7	2	20		10	10		60		TG
79	2030066	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện	7	2	20		10	10		60		KHXHNV
80	2030067	Xã hội học văn hoá du lịch	7	2	25		10			55		KHXHNV
81	2030068	Pháp luật về văn hóa, du lịch	7	2	25		10			55		KHXHNV
82	2030069	Tổ chức và quản lý hoạt động văn hoá	7	2	25		10			55		KHXHNV
<b>II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b>						05						
83	2030168	Thực tế văn hóa	3	1					TT			
84	1060229	Thực tế du lịch	5	1					TT			
85	1060071	Thực tập tốt nghiệp	8	3					TT			
<b>II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế</b>						06						
86	2030074	Khóa luận tốt nghiệp	8	6								
		Học phần thay thế	8	6								
		Học phần bắt buộc		2								
87	2030070	Văn hoá dân gian trong xã hội Việt Nam hiện đại	8	2	25		10			55		KHXHNV
<b>Các học phần tự chọn: Chọn 4/6 TC</b>						4						
88	2030071	Truyền thông và văn hoá	8	2	25		10			55		KHXHNV
89	2030072	Các xu hướng phát triển du lịch hiện nay	8	2	25		10			55		KHXHNV
90	2030073	Di sản văn hoá và phát triển du lịch hiện nay	8	2	25		10			55		KHXHNV
<b>Tổng cộng</b>						135						

Ghi chú: (\*) Học phần điều kiện



## 2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



\* Ghi chú: Không tính các học phần điều kiện (GDTC, GDQP-AN)

### Danh sách các học phần tự chọn

Tự chọn 1 (2/4 TC)	ĐC Văn hóa phương Đông	Tiếng Việt thực hành	
Tự chọn 2 (2/4 TC)	Quy hoạch và phát triển du lịch	Du lịch nông nghiệp và nông thôn	
Tự chọn 3 (2/4 TC)	Tâm lý học du lịch	Bản đồ du lịch Việt Nam	
Tự chọn 4 (4/6 TC)	Truyền thông và văn hóa	Các xu hướng phát triển du lịch hiện nay	Di sản văn hóa và phát triển du lịch hiện nay



Chú thích:

<input type="checkbox"/>	Khối kiến thức giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/>	Kiến thức bổ trợ
<input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	<input type="checkbox"/>	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
<input type="checkbox"/>	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	----->	Học phần song hành

## 2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

ST T	Mã HP	Tên học phần	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	1130299	Triết học Mác Lênin	M								M		M	M	M	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	M								M		M	M	M	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M								M	M	M			M
4	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M								M		M		M	
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	M								M		M		M	
6	1130049	Pháp luật đại cương	M								M		M	M		
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	L					L							M	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	L					L							M	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	M					M							M	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	L					L							M	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	L					L							M	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	M					M							M	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L					L							M	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	L					L							M	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	M					M							M	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	L					L							M	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	L					L							M	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M					M							M	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L					L							M	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	L					L							M	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M					M							M	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L					L							M	



23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	L				L										M			
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M				M											M		
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L				L											M		
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	L				L											M		
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M				M											M		
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	M				M				M			M		M	M			
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	M				M				M			M		M	M	M		
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	M				M				M			M		M	M			
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	M				M				M			M		M	M			
32	1090061	Tiếng Anh 1		L							L							M		
33	1090166	Tiếng Anh 2		M							M							M		
34	1150422	Khởi nghiệp	L										M				M	M	M	
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	L					M					M	M	M	M	M		M	
36	1050241	Tin học cơ sở	M						M									M		
37	1060019	Cơ sở văn hoá Việt Nam	L	L	M	M												M		
38	1060215	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	M	M	M	M							M					M	M	
39	1060036	Lịch sử văn minh thế giới	M	M	M	M							M					M	M	M
40	2030052	Hán Nôm cơ sở	M	M	M	M							M			M				
41	1060021	Dẫn luận ngôn ngữ học	M	M	M	M		M					M	M				M		
42	1060039	Mỹ học đại cương	M	M		M									M			M		
43	2030053	Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt	M	M	M	M		M					M					M		
44	2030054	Nhân học đại cương	M	L	M	M							M					M		
45	1060221	Phương pháp nghiên cứu văn hoá du lịch	M	M	M								M					M	M	
46	2030055	Khu vực học và nhập môn Việt Nam học	M	M	M	M							M					M	M	
47	2030056	Đại cương văn hoá phương Đông	M	M	M	M		M										M		M
48	1060045	Tiếng Việt thực hành	M	M	M			M										M	M	
49	1060087	Văn học dân gian Việt Nam	M	M	M									M				M	M	
50	1060098	Văn học trung đại Việt Nam	M	M	M	M												M		
51	1060244	Văn học hiện đại Việt Nam	M	M	M	M								M				M	M	
52	1060049	Ngữ pháp tiếng Việt	M	M	M	M		M										M	M	
53	1060218	Ngữ dụng học	M	M	M	M		M							M			M	M	
54	1060216	Địa danh lịch sử, văn hoá và du lịch Việt Nam	M	M	M	M								M				M	M	
55	1060058	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	M	M	M	M		M					M					M	M	
56	2030057	Tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hoá Việt Nam	M	M	M	M		M						M	M			M	M	
57	2030169	Lịch sử cổ trung đại Việt Nam	M	M	M	M								M				M	M	
58	2030171	Lịch sử cận hiện đại Việt Nam	M	M	M	M								M				M	M	
59	2030170	Lịch sử báo chí Việt Nam	M	M	M	M		M								M		M		M
60	1060227	Ngôn ngữ và văn hoá	M	M	M	M		M										M	M	
61	2030058	Quy hoạch và phát triển du lịch	M	M	M	M								M	M			M		M
62	2030059	Du lịch nông nghiệp và nông thôn	M	M	M	M		M						M	M			M	M	M
63	1060052	Nhập môn khoa học du lịch	M	M	M	M		M						M				M	M	M
64	1080269	Địa lý du lịch Việt Nam	M	M	M	M									M			M		



65	1060023	Di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam	M	M	M	M			M				M	M	M
66	2030060	Văn hoá Chăm	M	M	M	M							M	M	M
67	1060222	Văn hoá du lịch	M	M	M	M			M				M	M	M
68	1060104	Xúc tiến và quảng bá du lịch	M	M		M							M		M
69	1100105	Tâm lý học du lịch	M	M		M							M	M	M
70	1080101	Bản đồ du lịch	M	M		M							M	M	M
71	2030063	Quan hệ công chúng	M	M	M	M			M					M	M
72	2030172	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	M	M	M	M			M	M				M	M
73	1062223	Nghề truyền thống và ẩm thực Việt Nam	M	M	M	M							M	M	
74	1060225	Thiết kế và điều hành tour du lịch	M	M	M	M			M				M	M	
75	2030061	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	M	M	M	M			M				M	M	M
76	2030064	Nghiệp vụ lữ hành khách sạn	M	M	M	M			M				H	H	M
77	2030062	Kĩ năng thuyết trình và tổ chức hoạt náo trong du lịch	M	M	M	M			M				H	H	M
78	2030065	Nghiệp vụ báo chí	M	M	M	M			M				H	H	M
79	2030066	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện	M	M	M	M			M				M	M	M
80	2030067	Xã hội học văn hoá du lịch	M	M	M	M			M				M	M	
81	2030068	Pháp luật về văn hóa, du lịch	M		M								M		M
82	2030069	Tổ chức và quản lý hoạt động văn hoá	M	M	M				M				M	M	M
83	2030168	Thực tế văn hóa	M	M	M	M			M				M	M	
84	1060229	Thực tế du lịch				H							H	H	
85	1060071	Thực tập tốt nghiệp				H							H		M
86	2030074	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	M	M							M	M	M
87	2030070	Văn hoá dân gian trong xã hội Việt Nam hiện đại	M	M	M	M			H				M	M	M
88	2030071	Truyền thông và văn hoá	M	M	M	M			M				H	H	
89	2030072	Các xu hướng phát triển du lịch hiện nay	M	M	M	H			M				H	H	
90	2030073	Di sản văn hoá và phát triển du lịch hiện nay	M	M	H	H			M				M	M	M

## 2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

### 1. [1130299], [Triết học Mác Lênin], [3TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác- Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.



**2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác Lênin], [2TC]**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**3. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2TC]**

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

**4. [1130091], [ Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2TC]**

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

**5. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2TC]**

Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

**6. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2TC]**

Học phần trình bày các vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...

**7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 – Bóng đá 1], [ Mỗi 1 TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tung bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.



**8. [1120175], [Giáo dục thể chất 1– Bóng chuyền 1], [1TC]**

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

**9. [1120178], [Giáo dục thể chất 1– Bóng rổ 1], [1TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**10. [1120184], [Giáo dục thể chất 1– Võ cổ truyền Việt Nam 1], [1TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

**11. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 – Võ Twaekondo 1], [1TC]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

**12. [1120190], [Giáo dục thể chất 1– Võ Karatedo 1], [1TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống



giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**13. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 1], [1TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

**14. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá 2], [1TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

**15. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền 2], [1TC]**

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

**16. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ 2], [1TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

**17. [1120186], [Giáo dục thể chất 2 – Võ cổ truyền Việt Nam 2], [1TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

**18. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 – Võ Taekwondo 2], [1TC]**



Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

**19. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 – Võ Karatedo 2], [1TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**20. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông 2], [1TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

**21. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá 3], [1TC]**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

**22. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng chuyền 3], [1TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

**23. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ 3], [1TC]**

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

**24. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 – Võ cổ truyền Việt Nam 3], [1TC]**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

**25. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 – Võ Taekwondo 3], [1TC]**

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

**26. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 – Võ Karatedo 3], [1TC]**

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các



trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

**27. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 – Cầu lông 3], [1TC]**

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

**28. [1120168], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1], [3TC]**

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

**29. [1120169], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2], [2TC]**

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

**30. [1120170], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3], [2TC]**

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt

tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tấn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

**31. [1120171], [Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4], [2TC]**

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

**32. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3TC]**

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

**33. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4TC]**

Học phần kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 nhằm vào các mục tiêu sau đây: Hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất nhưng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng ở mức độ cao hơn Tiếng Anh 1 để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh; Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, nhất là các kỹ năng đàm thoại trong các tình huống thông dụng và kỹ năng đọc - viết phức tạp hơn.

**34. [1150422], [Khởi nghiệp], [2 TC]**

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.



**35. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2 TC]**

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

**36. [1050241], [Tin học cơ sở], [2 TC]**

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành Khoa học xã hội. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành khoa học xã hội, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

**37. [1060019], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [3 TC]**

Học phần cung cấp những khái niệm chung và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng. Đồng thời, học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu những vấn đề của văn hóa Việt Nam.

**38. [1060215], [Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam], [3 TC]**

Nội dung cơ bản của học phần là những vấn đề cơ bản của lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam trong cái nhìn mang tính hệ thống, so sánh. Từ đó, giúp sinh viên hình thành nhận thức và những kỹ năng cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

**39. [1060036], [Lịch sử văn minh thế giới], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức mang tính cơ bản về các nền văn minh thế giới: quá trình ra đời, cơ sở hình thành và nhất là những thành tựu tiêu biểu. Qua đó, giúp cho sinh viên có những kiến thức nền về lịch sử - văn hóa – du lịch.

**40. [2030052], [Hán Nôm cơ sở], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên những nền tảng cơ bản và cần thiết về Hán Nôm cơ sở. Từ đó, hình thành cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng cần thiết trong công việc khảo cứu văn hóa – lịch sử - ngôn ngữ và phát triển hoạt động nghề nghiệp.

**41. [1060021], [Dẫn luận ngôn ngữ học], [3 TC]**

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, bản thể của ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ ngôn ngữ-tư duy, về hệ thống và các cấp độ, đơn vị của ngôn ngữ ; những tri thức căn bản, mở đầu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ



nghĩa của ngôn ngữ ; những thao tác làm việc cần thiết để sinh viên nhận thức được rõ hơn, thực hành tốt hơn về những vấn đề ngôn ngữ nói trên trong hoạt động nghề nghiệp.

**42. [1060039], [Mỹ học đại cương], [2 TC]**

Học phần hướng đến việc hình thành những hiểu biết cơ bản về đặc trưng mỹ học, các phạm trù mỹ học trong mối quan hệ đa chiều. Từ đó, giúp người học mở rộng khả năng cảm thụ, phân tích, khái quát, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp.

**43. [2030053], [Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt], [2 TC]**

Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt là một trong những học phần quan trọng cho sinh viên các ngành đại học, đặc biệt là sinh viên cử nhân ngữ văn chuyên ngành báo chí. Học phần sẽ cung cấp tới người học những tri thức cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản.

**44. [2030054], [Nhân học đại cương], [2 TC]**

Học phần giúp người học nắm vững những kiến thức mang tính đại cương của nhân học – ngành học nghiên cứu con người trong mối quan hệ đa chiều; từ đó vận dụng vào thực tiễn học tập, nghiên cứu và đào tạo kỹ năng, mở rộng những ứng dụng trong các hoạt động văn hóa – du lịch

**45. [1060221], [Phương pháp nghiên cứu văn hóa du lịch], [2 TC]**

Học phần hướng đến việc hình thành cho người học tư duy và phương pháp nghiên cứu văn hóa du lịch thông qua việc cung cấp những kiến thức cơ bản mang tính lý luận và thực hành. Điều này góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc nghiên cứu văn hóa du lịch về sau.

**46. [2030055], [Khu vực học và nhập môn Việt Nam học], [3 TC]**

Nội dung cơ bản của học phần là những kiến thức mang tính hệ thống về Khu vực học và Việt Nam học. Thông qua đó, trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng cần thiết trong khi tiếp cận các vấn đề liên quan đến chuyên ngành và gắn kết với các hoạt động văn hóa – du lịch mang tính khu vực.

**47. [2030056], [Đại cương văn hóa phương Đông], [2 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa phương Đông, những giá trị vật chất và tinh thần của một nền văn hóa có nhiều thành tựu. Qua đó, giúp sinh viên có những nhận thức khái quát về văn hóa – lịch sử của một miền đất, một khu vực rộng lớn.

**48. [1060045], [Tiếng Việt thực hành], [2 TC]**

Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng ứng dụng, thực hành tiếng Việt trên nhiều cấp độ, phương diện. Từ đó, giúp người học có những hiểu biết và kỹ năng cần thiết trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp về sau.

**49. [1060087], [Văn học dân gian Việt Nam], [3 TC]**



Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hoá, những đặc trưng và giá trị cơ bản của văn học dân gian; các thể loại chủ yếu, các vùng và các thời kì phát triển của văn học dân gian Việt Nam; rèn kĩ năng tiếp cận và phân tích các tác phẩm văn học dân gian, ứng dụng kiến thức văn học dân gian trong hoạt động văn hóa – du lịch.

**50. [1060098], [Văn học trung đại Việt Nam ], [3 TC]**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt nam: các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các hiện tượng văn học, sự kiện văn học, các tác gia tiêu biểu. Từ đó, rèn luyện kĩ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại, mở rộng cảm thụ văn hóa.

**51. [1060244], [Văn học hiện đại Việt Nam ], [3 TC]**

Học phần giúp sinh viên trang bị những kiến thức chung về văn học hiện đại Việt Nam một cách có hệ thống. Trên cơ sở đó rèn luyện kĩ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một tác giả, tác phẩm văn chương cụ thể trong giai đoạn này. Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của các khuynh hướng văn học. Từ đó rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên.

**52. [1060049], [Ngữ pháp tiếng Việt], [3 TC]**

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của ngữ pháp tiếng Việt như từ và cấu tạo từ; các loại từ, cụm từ, các loại câu và ý nghĩa của câu trong tiếng Việt cùng các quy tắc tạo câu... Qua đó, giúp sinh viên nắm vững về ngữ pháp tiếng Việt và có khả năng ứng dụng trong hoạt động chuyên môn.

**53. [1060218], [Ngữ dụng học], [2 TC]**

Nội dung học phần bao gồm những vấn đề khái quát về ngữ dụng học, về ý nghĩa chiếu vật và chỉ xuất của ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ, về lí thuyết lập luận, lí thuyết hội thoại, về ý nghĩa hàm ẩn và ý nghĩa tường minh của phát ngôn. Học phần mở rộng kiến thức và hình thành kĩ năng chuyên sâu về khả năng lập luận, mở rộng những khả thể của phát ngôn.

**54. [1060216], [Địa danh lịch sử, văn hóa và du lịch Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức liên quan đến các địa danh lịch sử, văn hóa và du lịch ở Việt Nam. Từ đó, giúp người học nắm bắt và vận dụng kiến thức địa danh trong các hoạt động liên quan đến văn hóa – du lịch.

**55. [1060058], [Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam], [2 TC]**

Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam. Qua đó, hình thành các hiểu biết và kĩ năng cần thiết mang tính lý luận và ứng dụng chuyên ngành văn hóa, du lịch.



**56. [2030057], [Tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hóa Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trình bày những vấn đề mang tính khái quát, cơ bản về tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hóa Việt Nam: nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng, sự phát triển. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hóa người Việt; trang bị các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử - văn hóa.

**57. [2030169], [Lịch sử cổ trung đại Việt Nam], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại, bao gồm các nội dung chủ yếu như sau: Sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời, hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật trong thời cổ trung đại; những thành tựu tiêu biểu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật...; lịch sử đấu tranh giành độc lập, kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giữ vững chủ quyền độc lập dân tộc trong thời cổ trung đại.

**58. [2030171], [Lịch sử cận hiện đại Việt Nam], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 2006 bao gồm: Từ khi thực dân Pháp xâm lược lần thứ nhất đến khi cách mạng tháng Tám thành công 1945; Quá trình kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Nước Việt Nam thống nhất trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 2006).

**59. [2030170], [Lịch sử báo chí Việt Nam], [2 TC]**

Học phần cung cấp cho người học về sự ra đời và tiến trình phát triển báo chí Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử dân tộc từ 1865 đến nay. Đồng thời người học nắm được mối quan hệ giữa chính trị với báo chí, văn hóa với báo chí và với sự phát triển của xã hội. Đặc biệt báo chí với sự tiếp xúc văn hóa Đông Tây có ảnh hưởng đến sự thay đổi về văn hóa và cơ cấu xã hội (giai đoạn đầu thế kỷ XX); vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng đất nước. Học phần cũng giúp cho người học hiểu được quá trình phát triển của nghệ thuật làm báo, trang bị cho người học các phương pháp, kỹ năng trong việc đánh giá, phân tích các tờ báo dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó có thể rút ra những bài học giá trị cho nghề nghiệp sau này.

**60. [1060227], [Ngôn ngữ và văn hóa], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mối quan hệ đa chiều giữa ngôn ngữ và văn hóa. Học phần giúp người học hình thành các kỹ năng ngôn ngữ và văn hóa, phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp văn hóa – du lịch.

**61. [2030058], [Quy hoạch và phát triển du lịch], [2 TC]**

Nội dung học phần tập trung vào vấn đề quy hoạch và phát triển mạng lưới du lịch. Trên cơ sở đó, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc quy hoạch và phát triển du lịch, phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp.



**62. [2030059], [Du lịch nông nghiệp và nông thôn], [2 TC]**

Học phần trình bày, giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch nông nghiệp và nông thôn. Giúp người học hình thành hiểu biết và kỹ năng đối với các vấn đề liên quan trong cái nhìn nhiều chiều, đa diện. Người học có thể rút ra được những nhận thức và kinh nghiệm bổ ích cho việc triển khai các hoạt động du lịch nông nghiệp và nông thôn trong công việc về sau.

**63. [1060052], [Nhập môn khoa học du lịch], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức mang tính dẫn nhập về khoa học du lịch. Từ đó, giúp sinh viên trang bị những hiểu biết cơ bản về khoa học du lịch như một bộ môn với đối tượng, phương pháp nghiên cứu riêng; giúp ích cho các hoạt động nghề nghiệp sau này.

**64. [1080269], [Địa lý du lịch Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trình bày những vấn đề cơ bản của địa lý du lịch Việt Nam trong mối quan hệ giữa địa lý và du lịch. Từ đó, trang bị cho người học những hiểu biết nền tảng về địa lý du lịch trên các phương diện lý luận và thực tiễn.

**65. [1060023], [Di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam, giúp người học hiểu biết và nắm bắt những đặc trưng của di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam từ diện và điểm. Qua đó, hình thành tình cảm, thái độ đối với vốn di sản quý báu của dân tộc.

**66. [2030060], [Văn hóa Chăm], [2 TC]**

Nội dung học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản của văn hóa Chăm: nguồn gốc, đặc trưng diện mạo, quá trình hình thành và phát triển. Qua đó, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa Chăm, hình thành thái độ và nhận thức, tình yêu đối với văn hóa Chăm, giúp ích cho các hoạt động liên quan đến lịch sử, văn hóa du lịch.

**67. [1060222], [Văn hóa du lịch], [2 TC]**

Học phần hướng đến việc hình thành những hiểu biết cơ bản về văn hóa du lịch, khảo sát mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch trong mối liên hệ tương hỗ. Từ đó, giúp người học có những hiểu biết và nhận thức về mối quan hệ này và ứng dụng trong các hoạt động nghề nghiệp.

**68. [1060104], [Xúc tiến và quảng bá du lịch], [2 TC]**

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản liên quan đến việc xúc tiến và quảng bá du lịch, những kiến thức nền tảng về lĩnh vực này và sự ứng dụng của nó. Học phần giúp sinh viên hình thành kiến thức và kỹ năng cần thiết cho hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch, phục vụ công việc sau này.

**69. [1100105], [Tâm lý học du lịch], [2 TC]**



Học phần trình bày những nội dung cơ bản liên quan đến tâm lý du khách trong hoạt động du lịch. Thông qua đó, giúp người học nắm vững kiến thức và hình thành các kỹ năng liên quan.

**70. [1080101], [Bản đồ du lịch], [2 TC]**

Nội dung học phần hướng đến việc cung cấp những kiến thức cơ sở về bản đồ du lịch. Từ đó, giúp sinh viên nắm bắt, định vị được hệ thống tuyến điểm trên bản đồ du lịch, giúp ích cho các công việc liên quan đến văn hóa du lịch.

**71. [2030063], [Quan hệ công chúng], [2 TC]**

Đây là môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Quan hệ Công chúng. Môn học đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; Quy trình hoạch định chương trình PR; Các công cụ thực thi chính của PR; Đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

**72. [2030172], [Tuyến điểm du lịch Việt Nam], [2 TC]**

Học phần trang bị những kiến thức nền tảng về hệ thống tuyến điểm du lịch ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và hình thành các kỹ năng cần thiết liên quan đến việc định vị, xác định, tổ chức các tuyến điểm du lịch nội địa.

**73. [1062223], [Nghề truyền thống và ẩm thực Việt Nam], [2 TC]**

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về các nghề truyền thống và ẩm thực Việt Nam trong cái nhìn nhiều chiều, đa dạng. Từ đó, giúp người học có được những tri thức văn hóa cơ bản và hệ thống, hình thành tình yêu, lòng tự hào với nền văn hóa đặc sắc của quê hương.

**74. [1060225], [Thiết kế và điều hành tour du lịch], [2 TC]**

Nội dung học phần hướng đến việc trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng liên quan đến thiết kế và điều hành tour du lịch, qua đó, giúp người học hiểu và có khả năng vận dụng trong các hoạt động thiết kế và điều hành tour du lịch.

**75. [2030061], [Nghị vụ hướng dẫn du lịch], [3 TC]**

Học phần gắn liền với các định hướng nghề nghiệp, cung cấp những kiến thức và trang bị các kỹ năng liên quan đến nghị vụ hướng dẫn du lịch. Từ đó, giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

**76. [2030064], [Nghị vụ lễ hành khách sạn], [3 TC]**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghị vụ lễ hành khách sạn, giúp sinh viên hình thành các kỹ năng nghề nghiệp liên quan thông qua những hiểu biết và trải nghiệm trước những vấn đề cụ thể của môn học.



**77. [2030062], [Kỹ năng thuyết trình và tổ chức hoạt náo trong du lịch], [2 TC]**

Đây là học phần thiên về ứng dụng, hình thành kỹ năng thuyết trình và tổ chức hoạt náo trong du lịch. Học phần giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản và dần hình thành các kỹ năng cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp.

**78. [2030065], [Nghịệp vụ báo chí], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản liên quan đến nghịệp vụ báo chí, giúp người học hình thành các kỹ năng truyền thông cơ bản, phục vụ cho các hoạt động nghề nghiệp văn hóa – du lịch.

**79. [2030066], [Nghịệp vụ tổ chức sự kiện], [2 TC]**

Nội dung học phần hướng đến những vấn đề cơ bản của nghịệp vụ tổ chức sự kiện. Thông qua học phần, sinh viên có thêm những hiểu biết và dần hình thành các kỹ năng nghịệp vụ liên quan đến nghề nghiệp của mình.

**80. [2030067], [Xã hội học văn hóa du lịch], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học văn hóa du lịch. Từ đó, giúp người học có cái nhìn mang tính hệ thống về những vấn đề liên quan đến nội dung môn học, hình thành thái độ và các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp về sau.

**81. [2030068], [Pháp luật về văn hóa du lịch], [2 TC]**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật dùng cho văn hóa du lịch. Từ đó, giúp người học có hiểu biết, nhận thức về các vấn đề pháp luật được sử dụng trong các hoạt động văn hóa, du lịch.

**82. [2030069], [Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở về cách thức tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa. Từ đó, giúp người học có những hiểu biết trong lĩnh vực chuyên môn của mình, chuẩn bị tốt cho các hoạt động nghề nghiệp được đào tạo.

**83. [2030168], [Thực tế văn hóa], [1 TC]**

Học phần thực tế văn hóa giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế về văn hóa du lịch, hình thành hiểu biết, kỹ năng và tình yêu đối với nghề nghiệp có liên quan đến văn hóa du lịch.

**84. [1060229], [Thực tế du lịch], [1 TC]**

Đây là học phần nối tiếp Thực tế văn hóa, giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế du lịch, gắn kết chặt chẽ với các khối kiến thức được đào tạo.

**85. [1060071], [Thực tập tốt nghiệp], [3 TC]**

Học phần giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế trong các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực văn hóa du lịch, từ đó, hình thành hiểu biết, kiến thức, tình cảm và kỹ năng, giúp ích cho công việc trong tương lai.

**86. [2030074], [Khóa luận tốt nghiệp], [6 TC]**

**87. [2030070], [Văn hóa dân gian trong xã hội Việt Nam hiện đại], [2 TC]**

Học phần khái quát sự hiện diện của văn hóa dân gian trong xã hội Việt Nam hiện đại. Từ đó, giúp người học nắm bắt kiến thức, có những hiểu biết cơ bản về mối quan hệ này, hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

**88. [2030071], [Truyền thông và văn hóa], [2 TC]**

Nội dung học phần hướng đến mối quan hệ giữa truyền thông và văn hóa, giúp hình thành những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong hoạt động truyền thông về văn hóa và du lịch.

**89. [2030072], [Các xu hướng phát triển du lịch hiện nay], [2 TC]**

Học phần trình bày những xu hướng phát triển du lịch hiện nay với nhiều đặc điểm, diện mạo và phương thức khác nhau. Từ đó, giúp người học có cái nhìn mang tính cập nhật về diện mạo du lịch trong xã hội hiện đại, hình thành hiểu biết và các kỹ năng cần thiết liên quan đến hoạt động du lịch.

**90. [2030073], [Di sản văn hóa và phát triển du lịch hiện nay], [2 TC]**

Học phần cung cấp những kiến thức mang tính hệ thống về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển du lịch trong tình hình hiện nay. Từ đó, giúp người học có những nhận thức mang tính chuyên sâu, hình thành hiểu biết, những kỹ năng quản lý di sản và phục vụ hoạt động nghề nghiệp.

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

**TRƯỜNG KHOA**



**TS. Đinh Anh Tuấn**

**TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



**TS. Lê Xuân Vinh**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**